

Số: 23/2023/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020-2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SON KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình số 200 /TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 02 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024; Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh

Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, TN và MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH Lạng Sơn, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN ĐỒNG MỎ VÀ THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị hành chính	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Nội dung sửa đổi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(3)	(4)
I	Thị trấn Đồng Mỏ				
42		Khu dân cư tiếp giáp đường trục giao thông chính thôn Than Muội		Khu dân cư tiếp giáp đường trục giao thông chính khu Than Muội	
II	Thị trấn Chi Lăng		Đoạn đường theo Bảng giá đất hiện hành		Nội dung sửa đổi
	Đường loại II	Từ	Đến	Từ	Đến
2	Quốc lộ 1 đoạn 2	Km 63+00.	Km 63+430 (đường rẽ vào thôn Đồng Bành).	Km 63+00.	Km 63+430 (đường rẽ vào khu Đồng Bành).
3	Quốc lộ 1 đoạn 3	Km 63+430 (đường rẽ vào thôn Đồng Bành).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 63+430 (đường rẽ vào khu Đồng Bành).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).
4	Quốc lộ 1 đoạn 4	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 65+50 (hết ranh giới thôn Pha Lác).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 65+50 (hết ranh giới khu Pha Lác).
6	Quốc lộ 1 đoạn 1	Km 65+50 (hết ranh giới thôn Pha Lác).	Km 66+200.	Km 65+50 (hết ranh giới khu Pha Lác).	Km 66+200.
9	Quốc Lộ 1 cũ thuộc thôn Cây Hồng và thôn Lân Bông			Quốc Lộ 1 cũ thuộc khu Cây Hồng và khu Lân Bông	

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

DVT: Đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mỏ										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	800.000	480.000	320.000	160.000	1.715.000	1.029.000	686.000	343.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

DVT: Đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mô										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	560.000	336.000	224.000	112.000	1.200.000	720.000	480.000	240.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN
(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

DVT: Đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mỏ										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	640.000	384.000	256.000	128.000	1.370.000	822.000	548.000	274.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành./.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đường loại	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Giá đất điều chỉnh				
		Từ	Đến		Giá đất				Giá đất				
					VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
A	Thị trấn Đình Lập												
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 4B (TT Đình Lập - Quảng Ninh) (Đường 31-10) đoạn 2:	Hết khu tái định cư	Đầu cầu Khuổi Siến	II	2.400.000	1.440.000	960.000	480.000	3.200.000	1.920.000	1.280.000	640.000	
Bổ sung giá đất mới													
1	Những thửa đất có mặt tiếp giáp với đường Nội thị - Đường Yên Lập (Quốc lộ 4B cũ) đầu nối với đường 31 - 10 (Đường tránh Quốc lộ 4B) thuộc Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập								4.080.000	2.448.000			
2	Đường nội bộ Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập								3.440.000	2.064.000	1.376.000	688.000	

Ghi chú: Các vị trí (Vị trí 2, 3, 4) không có mức giá thì áp giá theo bảng giá đất các khu vực còn lại tại đô thị

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ờ; GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

DVT: Đồng

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đường loại	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn								Giá đất điều chỉnh							
		Từ	Đến		Giá đất ờ				Giá đất sản xuất, kinh doanh, PNN không phải đất thương mại, dịch vụ				Giá đất ờ				Giá đất sản xuất, kinh doanh, PNN không phải đất thương mại, dịch vụ			
					VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
A	Thị trấn Đình Lập																			
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 4B (TT Đình Lập - Quảng Ninh) (Đường 31-10) đoạn 2:	Hết khu tái định cư	Đầu cầu Khuổi Siến	II	3.000.000	1.800.000	1.200.000	600.000	2.100.000	1.260.000	840.000	420.000	4.000.000	2.400.000	1.600.000	800.000	2.800.000	1.680.000	1.120.000	560.000
Bổ sung giá đất mới																				
1	Những thửa đất có mặt tiếp giáp với đường Nội thị - Đường Yên Lập (Quốc lộ 4B cũ) đầu nối với đường 31 - 10 (Đường tránh Quốc lộ 4B) thuộc Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập												5.100.000	3.060.000			3.570.000	2.142.000		
2	Đường nội bộ Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập												4.300.000	2.580.000	1.720.000	860.000	3.010.000	1.806.000	1.204.000	602.000

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, NHÓM VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Nội dung sửa đổi				
	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III	STT	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III
		(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)			(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)
II	Nhóm II				II	Nhóm II			
1	Xã Bắc Hùng	- Nà Cạn - Lũng Vài - Bản Vạc - Nà Liệt Trong - Đoàn Kết - Bản Hu (thôn Bản Hu Trong + thôn Bản Hu Ngoài)	- Khòn Búm - Bó Mịn - Thanh Hảo - Bản Lếch	- Các thôn còn lại	1	Xã Bắc Hùng	- Nà Cạn - Lũng Vài - Bản Vạc - Nà Liệt Trong - Đoàn Kết - Bản Hu (thôn Bản Hu Trong + thôn Bản Hu Ngoài)	Đông Phòng (Khòn Búm, Bó Mịn) - Thanh Hảo - Bản Lếch	- Các thôn còn lại

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN*(Kèm theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-NĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường theo Bảng giá đất		Nội dung sửa đổi		
		(3)	(4)	-2	(3)	(4)
I	Xã Yên Phúc	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Tên đường	Đề nghị điều chỉnh lại đoạn đường	
		Từ	Đến		Từ	Đến
1	Đường nhánh Quốc lộ 279	đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc	Chợ Bãi		đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc	Chợ Bãi (toàn bộ khu vực trong chợ - áp dụng đối với những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)
3	ĐH.59B	Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc)	Cổng Kéo Đầy	ĐH.58	Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc)	Cổng Kéo Đầy
7	ĐH.59B	Cổng Kéo Đầy	Cột Km số 2 (Chợ đi Ba Xã)	ĐH.58	Cổng Kéo Đầy	Cột Km số 2 (Chợ Bãi đi Ba Xã)
XVII	Xã An Sơn	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn				
1	Đường ĐH.51 đường Lũng Pa – Pắc Kéo (qua các thôn Bình Đăng A, Bình Đăng B, Bản Thí)				Đường ĐH.53 đường Lũng Pa - Pắc Kéo - Thị trấn (qua các thôn Bình Đăng A, Bình Đăng B, Bản Thí)	
II	Thị trấn Văn Quan	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 17/2019//NQ-HĐND và số 02/2021/NQ-HĐND ngày 03/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn			Nội dung sửa đổi	
	Đường loại II	Từ	Đến		Từ	Đến
7	Đường Thanh Xuân	Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Hết Mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan		Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Km 182+1500 Đường QL 279

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường theo Bảng giá đất		Nội dung sửa đổi		
		(3)	(4)	-2	(3)	(4)
	Đường loại III					
10	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 1	Km28+ 230	Trên bề nước cống qua đường + 50 m		Km28+220 Quốc lộ 1B	Km16+950 đường ĐH.53
12	Đường Lương Văn Tri đoạn 4	Km 28+100 (đi xã Diêm He)	Hết mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan		Km 28+100 (đi xã Diêm He)	Km 26 Quốc lộ 1B.
16	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 2	Trên bề nước cống qua đường + 50 m	Hết phố Tân An		Km16+950 đường ĐH.53	Hết phố Tân An
17	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1	Phố Bản Coóng giáp phố Thanh Xuân	Hết địa giới thị trấn Văn Quan		Km 182+1500 Quốc lộ 279	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Bình Phúc
18	Đường Quốc lộ 1B (phố Nà Lộc)	Km 29+950	Hết địa giới thị trấn Văn Quan		Km 26 Quốc lộ 1B	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Diêm He

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, NHÓM VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SON

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Theo Bảng giá đất tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Nội dung sửa đổi				
	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III	STT	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III
		(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)			(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)
III	Nhóm III				III	Nhóm III			
11	Xã Trán Ninh		- Nà Chả	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại	11	Xã Trán Ninh		Khau Ngò (Nà Chả, Nà Lắc)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại
			- Bản Hèo						
			- Kòn Pù					- Bản Hèo	
			- Nà Lắc (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường liên xã)					- Kòn Pù (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tỉnh 232, đường liên xã)	
								- Phù Huê (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tỉnh 232)	
III	Nhóm III				III	Nhóm III			
17	Xã Liên Hội		- Khòn Cái (ghép thôn Khòn Cái và thôn Nà Pua)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại	17	Xã Liên Hội		- Khòn Cái (ghép thôn Khòn Cái và thôn Nà Pua)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại
			- Khòn Tầu					- Khòn Tầu	
			- Khòn Lạn					- Khòn Lạn	
			- Nà Rằng					Việt Yên (Nà Rằng, Khòn Coọng)	
			- Nà Me (ghép thôn Nà Lùng và thôn Nà Me)					- Nà Me (ghép thôn Nà Lùng và thôn Nà Me)	
		- Khòn Cọn (áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường tỉnh lộ 232 và đường liên xã)		- Khòn Cọn (áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường tỉnh lộ 232 và đường liên xã)					

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN,
TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Nội dung sửa đổi	
				Giá đất		Giá đất	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT1	VT2
3	Xã Quảng Lạc						
3.1	Đường 234	Cầu Bản Loóng	Đoạn rẽ vào trụ sở UBND xã	400.000	432.000	720.000	432.000

* Số thứ tự được đánh theo thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành